

Bản án số: 15/2017/DS-ST

Ngày: 27-6-2017

“Tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Diệp Thị Nết.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- **Ông Phương Minh Thành**

2/- **Ông Lê Văn Cao**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh: Bà Nguyễn Thị Ái Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2016/TLST- DS, ngày 30 tháng 11 năm 2016, về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2017/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2017 và Thông báo dời ngày xét xử, ngày 12/6/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông A, sinh năm 1968 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất - thương mại B.

Địa chỉ: Đường R, khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh C, sinh năm 1991 – Địa chỉ: Ấp O, xã N, huyện M, tỉnh Trà Vinh, tham gia tố tụng, theo văn bản ủy quyền đề ngày 16/12/2016.

2. *Bị đơn:* Ông D, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Đường R1, khóm X1, phường Y1 thành phố Z, tỉnh Trà Vinh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà E, sinh năm 1964

Địa chỉ: Đường R1, khóm X1, phường Y1 thành phố Z, tỉnh Trà Vinh.

4. *Người làm chứng:* Cháu F, sinh ngày 03/3/2003, có ông D (cha ruột của cháu F), là người giám hộ.

Địa chỉ: Đường R1, khóm X1, phường Y1 thành phố Z, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2016 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay đại diện nguyên đơn anh C trình bày:

Vào ngày 23/9/2016 Doanh nghiệp tư nhân sản xuất – Thương mại B (gọi tắt là Doanh nghiệp B) có cung cấp cho ông D với hóa đơn hàng là 08 khối bê tông tươi trị giá 11.600.000 đồng. Theo thỏa thuận thì khi Doanh nghiệp B đã giao đủ số hàng thì ông D phải thanh toán đủ số tiền trên. Nhưng đến ngày 18/11/2016 Doanh nghiệp

B cho nhân viên đến thu tiền thì ông D nói là trả rồi và nhân viên yêu cầu ông D cung cấp phiếu đã thu tiền và giấy giới thiệu của người thu tiền thì ông D nói là không có, nên không có cơ sở là đã trả cho Doanh nghiệp B. Nay anh C đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D phải có trách nhiệm trả cho ông A – Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất – thương mại B số tiền cung cấp bê tông tươi còn nợ là 11.600.000 đồng.

Bị đơn ông D trình bày: Vào năm 2016 ông D không nhớ rõ ngày tháng, ông có điện thoại hỏi mua bê tông tươi đổ sàn nhà. Sau đó, Doanh nghiệp B đã cung cấp cho ông D đủ 08 khối bê tông tươi với giá bằng 11.600.000 đồng. Sau khi đổ bê tông xong thì khoảng mười mấy ngày sau (ông D không nhớ rõ ngày, tháng) thì ông đã nhận cuộc điện của Doanh nghiệp B để lấy tiền đổ bê tông, do ông đã đi thành phố Hồ Chí Minh nên ông cho họ đến gặp vợ ông là bà E để nhận tiền và ông có điện cho bà E trả tiền phía Doanh nghiệp B số tiền 11.600.000 đồng xong, lúc bà E trả tiền thì người thu tiền có giao cho bà E một biên nhận, nhưng biên nhận này bà E đã bỏ mất. Nay ông không đồng ý trả cho ông A – Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất – thương mại B số tiền cung cấp bê tông tươi là 11.600.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà E trình bày: Ông D là chồng của bà có mua bê tông tươi của Doanh nghiệp B với số lượng đủ 08 khối bê tông tươi trị giá 11.600.000 đồng. Sau khi đổ bê tông xong, khoảng 15 ngày sau đổ bê tông thì có 02 nhân viên của Doanh nghiệp B có đưa giấy cho bà để thu tiền nên bà nói ông D đã đi Sài Gòn (thành phố Hồ Chí Minh), nên hai nhân viên đó xin số điện thoại và điện cho ông D. Sau đó ông D có điện về cho bà trả tiền cho hai nhân viên, nên bà đã trả tiền cho hai nhân viên đó bằng 11.600.000 đồng và họ có giao cho bà 01 biên nhận của Doanh nghiệp B, lúc đó bà đưa tiền trực tiếp cho hai nhân viên và cho con của bà tên F trông hai nhân viên đếm tiền, khi họ đếm xong thì họ cho rằng đã nhận đủ tiền, rồi hai nhân viên đó ra về. Nay bà E không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người làm chứng cháu F trình bày: Hôm đó cháu không nhớ ngày tháng năm có hai người đến gặp mẹ của cháu tên E và mẹ của cháu đã đưa tiền cho hai nhân viên của Doanh nghiệp B và mẹ bảo cháu trông họ đếm tiền, khi họ đếm đủ tiền thì họ ra về, trước khi họ ra về thì có đưa 01 biên nhận nhận tiền cho mẹ cháu.

Vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng, về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, đã chấp hành đúng qui định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông D phải có nghĩa vụ trả cho ông A – Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất – thương mại B là 11.600.000 đồng tiền ông D mua bê tông tươi còn nợ Doanh nghiệp.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung ý kiến hay yêu cầu gì thêm. Bị đơn không yêu cầu phản tố và không bổ sung yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập và yêu cầu gì thêm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ông D là bị đơn có địa chỉ tại Đường R1, khóm X1, phường Y1 thành phố Z, tỉnh Trà Vinh, nên căn cứ tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

Về nội dung tranh chấp:

{1} Vào ngày 23/9/2016 giữa Doanh nghiệp B với ông D có thỏa thuận mua, bán và có chứng từ giao, nhận của hai bên đủ 8 khối bê tông tươi với giá bằng 11.600.000đ nên đã được hai bên thừa nhận là giao dịch có thật.

{2} Đối với Doanh nghiệp B đã xuất bê tông đủ 8 khối cho ông D nên được ông D và bà E đều thừa nhận, đây là sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, do ông D chưa trả tiền nên Doanh nghiệp có cử nhân viên là anh C đến thu nhưng ông D không trả vì cho rằng là đã trả xong. Phía nguyên đơn có tài liệu, chứng cứ để chứng minh gồm: 01 phiếu xuất bê tông, ngày 23/9/2016; 01 giấy giới thiệu và 01 phiếu thu, cùng ngày 18/11/2016, nhưng đối với ông D không có tài liệu hay chứng cứ nào để chứng minh là ông đã trả đủ 11.600.000đồng cho Doanh nghiệp B. Ông A – Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất - Thương mại B yêu cầu ông D phải có nghĩa vụ trả 11.600.000đồng là hợp lý nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

{3} Đối với ông D và bà E đều cho rằng: Ông, bà đã trả đủ số tiền 11.600.000đồng cho Doanh nghiệp B. Vào lúc ông D đi vắng thì có vợ ông D là bà E ở nhà trực tiếp trả cho nhân viên của Doanh nghiệp B, nhưng ông, bà đều không cung cấp được phiếu đã thu tiền của phía Doanh nghiệp B hay có chứng cứ nào khác để chứng minh là ông D đã trả cho Doanh nghiệp B, nên việc ông D nại ra là không có cơ sở chấp nhận.

{4} Từ cơ sở nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đề nghị của vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A - Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất - Thương mại B.

{5} Về án phí: Ông D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 124, Điều 428, Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12 số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A – Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất - thương mại B.

Buộc ông D phải có nghĩa vụ trả số tiền 11.600.000đ (Mười một triệu, sáu trăm nghìn đồng) cho ông A – Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất - thương mại B.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D phải nộp 580.000 đồng (Năm trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà E và ông A – Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản

xuất - thương mại B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông A – Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất - thương mại B số tiền tạm ứng án phí là 290.000đ (Hai trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0007894, ngày 29/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Diệp Thị Nết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phương Minh Thành

Lê Văn Cao

Diệp Thị Nết